TIẾT 1_Tuần 3_ LUYỆN TẬP

Kiến thức trọng tâm *(học sinh tự điền)*

- $\boldsymbol{a^n} =$
- $\boldsymbol{a^m . a^n} =$
- $\boldsymbol{a^m : a^n} =$
- $\boldsymbol{a^1} =$
- $\boldsymbol{a^0} =$

Bài tập:

- **Sửa bài tập về nhà:**

Bài 1 (SGK/18)

$3^7 . 3^3 =$

$5^9 : 5^7 =$

$2^{11} : 2^8 =$

$5^{12} . 5^5 =$

Bài 4 (SGK/18): Trái Đất: $\underbrace{\mathbf{6\,00 \ldots 00}}_{\mathbf{21\ số\ 0}}$ tấn. Mặt Trăng: $\underbrace{\mathbf{75\,00 \ldots 00}}_{\mathbf{18\ số\ 0}}$ tấn

a) Viết khối lượng Trái Đất và Mặt Trăng dưới dạng tích của một số với lũy thừa của 10.

Khối lượng Trái Đất là: $\underbrace{\mathbf{6\,00 \ldots 00}}_{\mathbf{21\ số\ 0}} =$

Khối lượng Mặt Trăng là: $\underbrace{\mathbf{75\,00 \ldots 00}}_{\mathbf{18\ số\ 0}} =$

b) Khối lượng Trái Đất gấp bao nhiêu lần khối lượng Mặt Trăng?

- **Bài tập thêm** *(HS làm vào vở)*

Bài 1: Tính các lũy thừa sau

$2^2 =$; $2^3 =$; $2^4 =$; $2^5 =$

$3^2 =$; $3^3 =$

$4^2 =$; $4^3 =$

$5^2 =$; $5^3 =$

$6^2 =$

$7^2 =$

$8^2 =$

$9^2 =$

$10^2 =$

Bài 2: Viết kết quả các phép tính sau dưới dạng một lũy thừa

$5^7.5^5 =$

$4^5.4 =$

$9^5:8^0 =$

$3^4.9 =$

$25.5^0.125 =$

$2^{10}:64.16 =$

$10^2.1000.100000 =$

Bài 3: Viết cấu tạo thập phân của các số **2356; 13063; 54204** theo mẫu sau:

$$4983 = 4.1000 + 9.100 + 8.10 + 3$$

$$= 4.10^3 + 9.10^2 + 8.10 + 3$$

2356 =

13063 =

54204 =

TIẾT 2_Tuần 3_ LUYỆN TẬP

Kiến thức trọng tâm:

- Biểu thức chỉ có phép cộng, trừ (hoặc nhân, chia):
- Biểu thức có lũy thừa, nhân, chia, cộng, trừ:
- Biểu thức có ngoặc:

Bài tập *(HS làm lần lượt các bài tập vào vở)*

- **Sửa bài tập về nhà:**

Bài 1 (SGK/20):

a) $2023 - 25^2 : 5^3 + 27$

b) $60 : [7.(11^2 - 20.6) + 5]$

Bài 2 (SGK/21):

a) $(9x - 2^3) : 5 = 2$

b) $[3^4 - (8^2 + 14) : 13]x = 5^3 + 10^2$

Bài 4 (SGK/21):

- **Bài tập thêm:**

Bài 1: Thực hiện phép tính

a) $2^3.145 - 2^3.44 - 2^3$

b) $4^3.55 + 4^3.46 - 4^5 : 4^2$

c) $3^2.3 + 4^{13} : 4^{11} - 2020^0$

c) $78 : [46 - 5.(10 - 8)^2]$

Bài 2: Tìm x

a) $140 : (x + 2^3) = 10$

b) $2x - 6^2 = 4^5 : 4^3$

c) $[20 + (3^3.12 + 1)] : 5x = 69$

d) $(x + 1)^2 = 64$

Tiết 3_Tuần 3_Bài 6.
CHIA HẾT VÀ CHIA CÓ DƯ. TÍNH CHẤT CHIA HẾT CỦA MỘT TỔNG

1. Chia hết và chia có dư

Cho hai số tự nhiên a và b (b khác 0). Ta luôn tìm được đúng 2 số tự nhiên q và r sao cho a = b.q + r ($0 \leq r < b$). Ta gọi q là thương và r là số dư.

TH1: r = 0 thì a = b.q (a chia hết cho b)

Kí hiệu: $a \vdots b$

TH2: $r \neq 0$ thì a không chia hết cho b.

Kí hiệu: $a \not\vdots b$

Thực hành 1 *(xem SGK và làm vào vở).*

2. Tính chất chia hết của một tổng

Tính chất 1:

Cho a, b, n là các số tự nhiên, $n \neq 0$.
Nếu $a \vdots n$ và $b \vdots n$ thì $(a+b) \vdots n$

Suy ra:

Nếu $a \vdots n$ và $b \vdots n$ thì $(a - b) \vdots n$ $(a \geq b)$

Nếu $a \vdots n$; $b \vdots n$; $c \vdots n$ thì $(a + b + c) \vdots n$

Nhiệm vụ: Viết hai số trong đó có một số không chia hết cho 6, số còn lại chia hết cho 6. Kiểm tra xem tổng và hiệu của chúng có chia hết cho 6 không?

Nhiệm vụ: Viết hai số trong đó có một số chia hết cho 7, số còn lại không chia hết cho 7. Kiểm tra xem tổng và hiệu của chúng có chia hết cho 7 không?

Tính chất 2:

Cho a, b, n là các số tự nhiên, $n \neq 0$.
Nếu $a \not\vdots n$ và $b \vdots n$ thì $(a+b) \not\vdots n$

Suy ra:

Nếu $a \not\vdots n$ và $b \vdots n$ thì $(a - b) \not\vdots n$ $(a > b)$

Nếu a ⋮̸ n ; b ⋮ n ; c ⋮ n thì (a + b + c) ⋮̸ n

Thực hành 2 *(Xem SGK và làm vào vở)*

3. Luyện tập

Bài tập 1 (SGK/23): Khẳng định nào sau đây là đúng, khẳng định nào là sai?

a) 1560 + 390 chia hết cho 15

b) 456 + 555 không chia hết cho 10

c) 77 + 49 không chia hết cho 7

d) 6624 – 1806 chia hết cho 6

Bài tập 2 (SGK/23): Trong các phép chia sau, phép chia nào là phép chia hết, phép chia nào là phép chia có dư?

a) 144 : 3 b) 144 : 13 c) 144 : 30

Hướng dẫn: HS thực hiện phép chia để tìm số dư.

Bài tập 4 (SGK/24): Trong phong trào xây dựng "nhà sách của chúng ta" lớp 6A thu được 3 loại sách do các bạn trong lớp đóng góp: 36 quyển truyện tranh, 40 quyển truyện ngắn và 15 quyển thơ. Có thể chia số sách đã thu được thành 4 nhóm với số lượng quyển bằng nhau không? Vì sao?

Tiết 4_Tuần 3_Bài 7.
DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, CHO 5

1. Dấu hiệu chia hết cho 2

Em hãy nhắc lại dấu hiệu chia hết cho 2 đã học ở tiểu học.

Các số có chữ số tận cùng là 0; 2; 4; 6; 8 (tức là các số chẵn) thì chia hết cho 2 và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.

Ví dụ: Xét số a = $\overline{202*}$. Thay dấu * bởi chữ số nào thì a chia hết cho 2, bởi chữ số nào thì a không chia hết cho 2?

Hướng dẫn: Hãy dựa vào dấu hiệu chia hết cho 2 để tìm số thích hợp.

Thực hành 1 (SGK/25): *HS làm vào vở*

2. Dấu hiệu chia hết cho 5

Các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5 và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.

Ví dụ: Xét số a = $\overline{4*}$. Thay dấu * bởi chữ số nào thì a chia hết cho 5, bởi chữ số nào thì a không chia hết cho 5?

Hướng dẫn: Hãy dựa vào dấu hiệu chia hết cho 5 để tìm số thích hợp.

Thực hành 2 (SGK/25): *HS làm vào vở*

Số có chữ số tận cùng là 0 thì chia hết cho cả 2 và 5.

3. Luyện tập

Bài tập 1 (SGK/25): *HS làm vào vở*

4. Vận dụng

Đề: Bà Huệ có 19 quả xoài và 40 quả quýt. Bà có thể chia số quả này thành 5 phần bằng nhau (có cùng số xoài, có cùng số quýt) được không?

Hướng dẫn: Hãy dựa vào dấu hiệu chia hết cho 5.

CHÚC CÁC CON HỌC TỐT NHÉ!

Lưu ý: Các dòng chữ in nghiêng không viết vào tập.